TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XM** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15/10/2020.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Phú Hiên.

2. Bà Đoàn Thị Mến.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Vũ Đình Rư – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện XM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2020/QĐST- HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Tạ Thị Kim X, sinh năm: 1992 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp SL, xã TL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm: 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp SL, xã TL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/6/2020, bản khai và các biên bản làm việc tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn – Bà Tạ Thị Kim X trình bày:

Bà Tạ Thị Kim X xây dựng gia đình với ông Lê Văn L vào năm 2010 nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung giữa bà X và ông L hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, ông L có tính gia trưởng, mỗi lần ông L nhậu vào say xỉn kiếm chuyện cãi vã, đánh đập bà X, dẫn đến tình

cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì không thể chịu đựng được nên bà X về nhà cha mẹ ruột (ấp Rừng Sến, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An) sinh sống từ tháng 10/2019 và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, bà X và ông L có gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà X yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà X và ông L có 01 con chung tên Lê Thị Thanh T, sinh ngày 27/7/2012, hiện đang sống với bà X. Bà X yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thy và không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà X đang làm công nhân, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 6.000.000đ đến 7.000.000đ, với mức thu nhập này bà X đủ lo cho cuộc sống của cháu Thy.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà X và ông L tự thỏa thuận giải giải, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai, biên bản làm việc tại Tòa án bị đơn ông Lê Văn L trình bày:

Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như bà X trình bày là đúng, ông L không bổ sung gì thêm, hôn nhân giữa ông L và bà X là hoàn toàn tự nguyện. Cuộc sống chung giữa ông L và bà X hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng ý kiến, không hợp nhau về tính tình về lối sống, trong những lúc nóng giận ông L không kìm chế được nên có đánh đập bà X nhưng không thường xuyên. Bà X đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 10/2019 nên ông L, bà X ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân ông L có gặp bà X để hàn gắn tình cảm nhưng bà X không đồng ý.

Nay theo yêu cầu ly hôn của bà X, ông L không đồng ý ly hôn vì ông L vẫn còn tình cảm với bà X, ông L muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Ông L và bà X có 01 con chung tên Lê Thị Thanh T, sinh ngày 27/7/2012, hiện đang sống với bà X. Trường hợp bà X nhất quyết ly hôn và được Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông L yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông L không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con. Ông L đang làm thợ xây, thu nhập mỗi tháng khoảng 12.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Trường hợp bà X nhất quyết ly hôn và được Tòa án giải quyết cho ly hôn thì về tài sản chung và nợ chung ông L và bà X tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau lần làm việc trên tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng tại các phiên tòa ông L đều vắng mặt, không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình

còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Tạ Thị Kim X yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Lê Văn L đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Lê Văn L có nơi cư trú tại địa bàn huyện XM theo điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bà Tạ Thị Kim X có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Lê Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông L vắng mặt không có lý do. Vì vậy việc xét xử vắng mặt bà X, ông L là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà X và ông L xây dựng gia đình vào năm 2010 nhưng đến năm 2012 mới đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2012, quyển số 01/2012 ngày 28/9/2012 tại UBND xã TL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu), xét đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và về mâu thuẫn vợ chồng bà X và ông L trình bày là thống nhất do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường phát sinh cãi vã, từ tháng 10 năm 2019 đến nay bà X và ông L ly thân không còn quan hệ qua lại gì về mặt tình cảm cũng như kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà X yêu cầu được ly hôn với ông L, ông L không đồng ý ly hôn do còn tình cảm với bà X.

Kết quả xác minh tại địa phương: Về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như việc thời gian bà X, ông L không còn sống chung với nhau là phù hợp với lời trình bày của bà X và ông L.

Xét yêu cầu của bà X cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà X và ông L phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc, nhưng từ tháng 10 năm 2019 đến nay bà X và ông L ly thân, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Ông L cho rằng vẫn còn thương yêu bà X và mong muốn Tòa án hòa giải cho đoàn tụ. Tuy ông L yêu cầu đoàn tụ gia đình nhưng ông L không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, Tòa án đã hòa giải nhiều lần với mục đích bà X và ông L trở về đoàn tụ chung sống nhưng bà X vẫn nhất quyết xin ly hôn.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà X và ông L thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X đối với ông L.

[3] Về con chung: Bà X và ông L có 01 con chung tên Lê Thị Thanh T, sinh ngày 27/7/2012, hiện đang sống với bà X. Bà X và ông L đều có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, và không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, ông L và bà X đều đưa ra lý lẽ riêng để chứng minh cho thu nhập và điều kiện nuôi con của mình. Bà X cho rằng bà X làm công nhân thu nhập hàng tháng khoảng 6.000.000đ đến 7.000.000đ còn ông L cho rằng ông L làm thợ hồ thu nhập hàng tháng khoảng 12.000.000đ nhưng cả bà X và ông L không có chứng cứ gì chứng minh cho thu nhập của mình.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện tại bà X là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, hơn nữa cháu T có nguyện vọng được sống cùng bà X. Mặc khác, cháu T là con gái được sống với mẹ sẽ thuận lợi hơn cho cháu. Vì vậy không nhất thiết phải giao cháu T cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng mà ông L là người gián tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T cũng là thể hiện trách nhiệm của người cha đối với con. Do đó, giao cháu Thy cho bà X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83, điều 84 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà X. Bà X không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà X và ông L, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Tạ Thị Kim X đối với ông Lê Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tạ Thị Kim X được ly hôn với ông Lê Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Thanh T, sinh ngày 27/7/2012 cho bà Tạ Thị Kim X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Tạ Thị Kim X không yêu cầu ông Lê Văn L cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Ông Lê Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tạ Thị Kim X và ông Lê Văn L không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Bà Tạ Thị Kim X phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà X đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008448 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà X đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã TL, huyện XM, tỉnh bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo